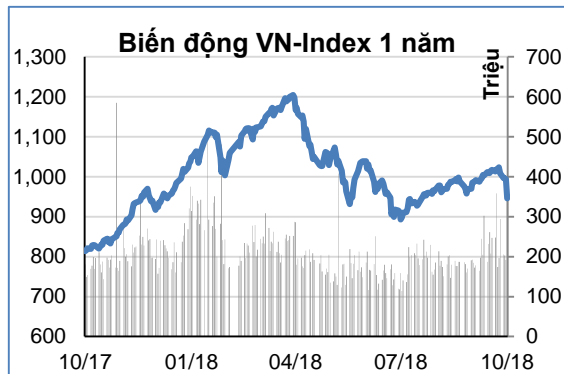


## Biến động thị trường

	15/10	1T (%)	3T (%)
VN Index	952	-4.0%	4.6%
GTGD	3,456	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	66	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



## Trái phiếu và Hàng hóa

	15-10	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.125%	3.888%	2.420%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.350%	4.038%	3.150%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.063%	5.025%	4.883%
Dầu WTI (\$/thùng)	71.85	68.99	71.01
Gold (\$/oz)	1,231	1,207	1,241

Nguồn: Bloomberg

## Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	17.5	16.1	14.0

## Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468  
Phat.pt@kisvn.vn  
www.kisvn.vn

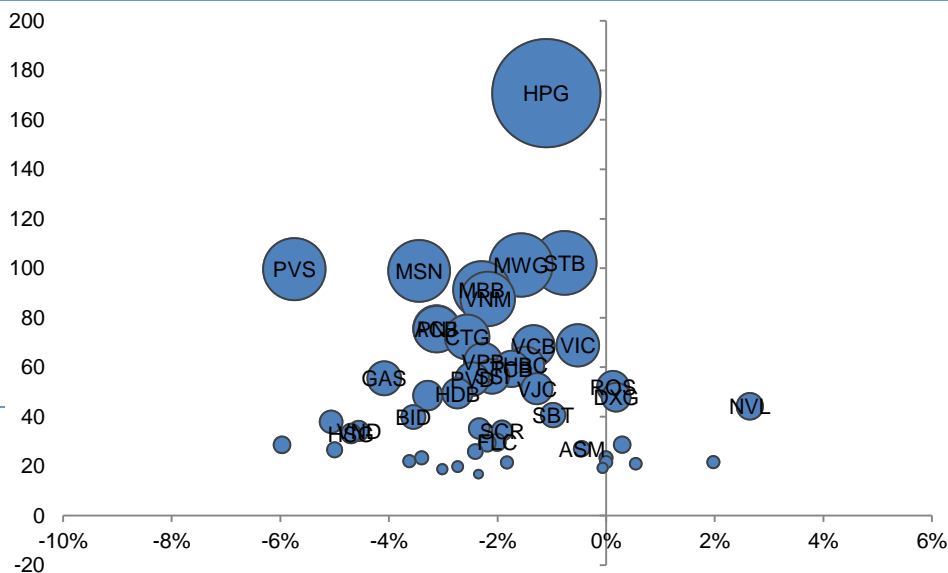
## Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464  
Hieu.ttm@kisvn.vn  
www.kisvn.vn

## Rủi ro điều chỉnh gia tăng

- Thị trường chứng khoán đảo chiều đi xuống sau phiên tăng trưởng cuối tuần trước. VN-Index suy yếu 1.9% và đóng cửa ở mức 951 điểm. Thanh khoản đi xuống với 122 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 2,756 tỷ đồng giá trị.
- VNMid-Index và VNSmall-Index giảm 1.07% và 0.85% trong khi VN30-Index đi xuống đến 1.58%, với 26/30 cổ phiếu trong rổ đóng cửa trong sắc đỏ. Trên sàn HSX, độ rộng thị trường tỏ ra tiêu cực với 188 mã giảm và 110 mã tăng.
- Ngân hàng và dầu khí có diễn biến xấu khi áp lực tập trung trên các mã GAS (-4.1%), PVD (-2.5%), PVS (-5.7%), VCB (-1.3%), CTG (-2.6%) và BID (-3.6%). Thêm vào đó, một số cổ phiếu trong VN30-Index cũng có mức giảm trên 2% như: DPM, GMD, HSG, MSN, PLX, PNJ, REE, SSI, VNM và VRE.
- Chiều ngược lại, một số cổ phiếu trụ như NVL, SAB, YEG và KDH lại có diễn biến tích cực ngược dòng xu hướng chung.
- Khối ngoại mua ròng 66 tỷ đồng trên sàn HSX. HPG, STB và HBC được mua vào nhiều nhất với giá trị 46 tỷ đồng, 35 tỷ đồng và 34 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, nhóm này tập trung bán ra các mã VHM, VNM và MSN.
- **Nhận định thị trường:** Rủi ro điều chỉnh gia tăng khi áp lực bán xuất hiện trên nhóm cổ phiếu bluechip. Vì thế, nhà đầu tư cần thận trọng chờ đợi sự cân bằng của thị trường trước khi có hành động.

## Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

# Phân tích kỹ thuật

## VN-Index

Hỗ trợ 1: 917-925

Kháng cự 1: 972-990

Hỗ trợ 2: 870-880

Kháng cự 2: 1,030-1,040

### Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



VN-Index tạo cây nến giảm điểm với khối lượng cực thấp khi chỉ đạt 123 triệu đơn vị giảm 40% so với phiên liền trước. Nhìn chung tín hiệu giảm điểm hôm nay đã giảm đi mức độ tin cậy của mẫu hình đảo chiều Piercing line hình thành phiên trước đó.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), nhiều tín hiệu cho thấy nhịp điều chỉnh sẽ còn tiếp diễn khi VN-Index đã break xuống đường trendline hỗ trợ kể từ đầu tháng 07/2018. Giá vẫn chưa thể lấp lại vùng Gap down (vùng 972-990 điểm) hình thành 2 phiên trước đây. Chỉ báo RSI hồi phục nhưng vẫn đang cho tín hiệu giảm khi ở dưới MA(5). Vùng hỗ trợ cho VN-Index từ 920-935 điểm được xác định theo độ rộng của khoảng Gap hình thành.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đã hoàn thành mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) khi giá đã vỡ đường trendline cho thấy sóng C đã kết thúc tại 1,027 điểm. Hỗ trợ trung hạn cho VN-Index quanh 880 điểm.

### Hành động

Sau 1 phiên hồi phục, chỉ số đã giảm điểm trở lại cho thấy phiên hồi phục kỹ thuật. Chỉ số nhiều khả năng sẽ kiểm định lại vùng 920-935 điểm. Nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao hoặc đang sử dụng margin nên hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn khi xu hướng chủ đạo đang là giảm điểm.

# Thống kê thị trường

## SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	952	-18.44	-1.9%	SL CP tăng giá	110
KLGD ('000 cổ phiếu)	144,306	-84,584	-37.0%	SL CP giảm giá	188
GTGD (tỷ VND)	3,456	-1,617	-31.9%	SL CP không đổi	68

### Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
NVL	69,800	1,800	0.52
YEG	251,100	13,000	0.13
SAB	223,000	500	0.10
KDH	33,600	600	0.08
PGD	38,800	1,800	0.05

### Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VHM	73,100	-3,900	-3.305
GAS	115,000	-4,900	-2.966
VNM	125,700	-2,800	-1.542
BID	32,600	-1,200	-1.297
MSN	78,500	-2,800	-1.030

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
HPG	40,350	4.22	170.8
STB	12,950	7.83	102.2
MWG	125,500	0.80	101.3
MSN	78,500	1.24	98.9
MBB	21,300	4.25	91.4

### Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Y Tế	0.0%	0.00

### Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Dịch vụ tiện ích	-3.5%	-3.01
Năng lượng	-2.2%	-0.67
Tài chính	-2.0%	-5.33
Bất động sản	-1.9%	-4.02
CNTT	-1.7%	-0.16

## SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	108	-2.08	-1.9%	SL CP tăng giá	97
KLGD ('000 cổ phiếu)	32,402	-26,121	-44.6%	SL CP giảm giá	78
GTGD (tỷ VND)	425	-292	-40.7%	SL CP không đổi	197

### Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
PGS	33,000	2,100	0.07
ART	6,300	300	0.03
PVI	33,500	400	0.02
TKC	27,100	2,400	0.02
CSC	33,800	3,000	0.01

### Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
ACB	31,000	-1,000	-1.27
PVS	19,700	-1,200	-0.28
SHB	8,100	-200	-0.21
VCS	79,800	-3,000	-0.10
VGC	16,600	-400	-0.08

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
PVS	19,700	5.02	99.6
ACB	31,000	2.58	75.6
SHB	8,100	3.69	25.9
VCS	79,800	0.27	22.0
VCG	18,400	1.13	21.0

### Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Khác	75.8%	0.00
CNTT	50.5%	0.01
TD thiết yếu	12.5%	0.00
TD không thiết yếu	11.7%	-0.01
Công nghiệp	3.6%	-0.09

### Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Bất động sản	-1.4%	-0.03
Y Tế	-1.4%	-0.01
Dịch vụ tiện ích	-0.9%	0.00

# Giao dịch khối ngoại

## HOSE

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HPG	40,350	74.9	28.9	46.0
STB	12,950	39.6	3.8	35.8
HBC	23,200	35.1	0.3	34.8
SSI	30,300	28.4	7.2	21.3
DXG	27,550	30.8	10.1	20.6

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VHM	73,100	27.1	60.2	-33.1
VNM	125,700	27.2	48.0	-20.8
MSN	78,500	68.6	89.0	-20.4
HDB	35,500	3.2	15.7	-12.5
LDG	16,900	0.0	11.8	-11.8

## HNX

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

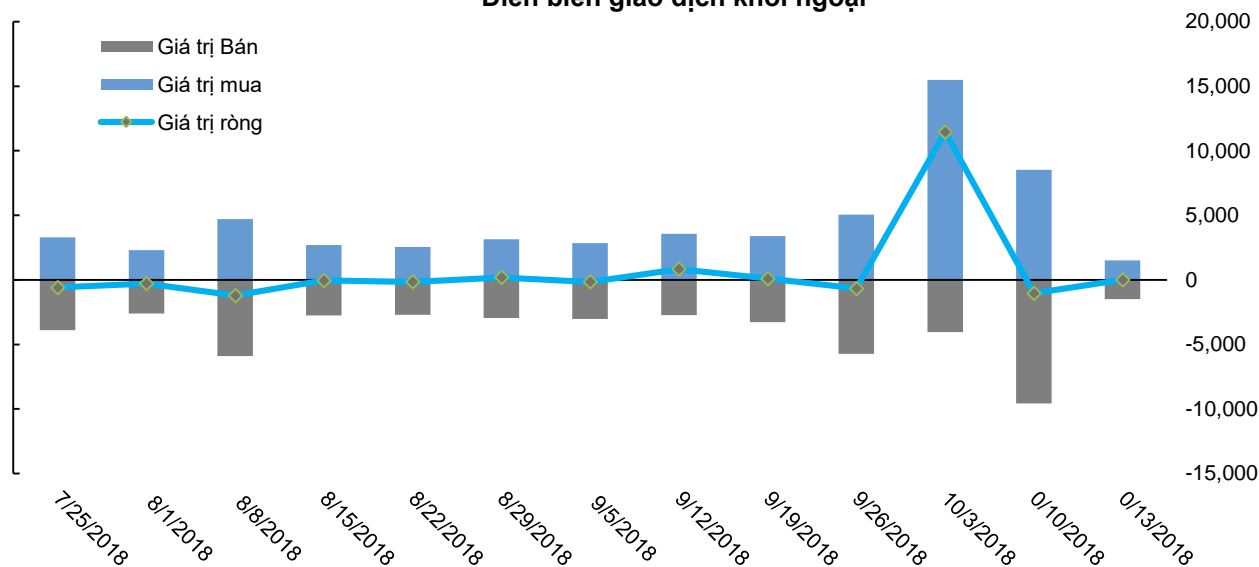
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
SHS	14,100	6.9	0.0	6.9
CEO	13,000	1.9	0.0	1.9
VCS	79,800	1.8	0.0	1.8
ART	6,300	0.5	0.0	0.5
SHB	8,100	4.4	4.1	0.3

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	19,700	2.8	22.9	-20.1
VCG	18,400	0.0	1.5	-1.5
CSC	33,800	0.0	1.0	-1.0
WCS	135,900	0.0	0.0	0.0
PVB	19,700	0.0	0.3	-0.3

(VNDbn)

### Diễn biến giao dịch khối ngoại



# Thị trường phái sinh

## Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 895-910

Kháng cự 1: 960-970

Hỗ trợ 2: 870-875

Kháng cự 2: 1000-1010

VN30 - Daily 10/15/2018 Open 943.51, Hi 943.62, Lo 927.6, Close 928.55 (-1.6%) MA(Close,20) = 972.33, MA2(Close,5) = 945.14, MA1(Close,50) = 961.31



**Nhận định xu hướng:** VN30-Index giảm điểm trở lại khi tiệm cận MA(5). Chỉ báo RSI đi xuống từ đường M(5) của chỉ báo. Với lực cầu yếu khi thanh khoản thấp hôm nay phản ánh sự suy yếu của dòng tiền. Vì vậy, các tín hiệu kỹ thuật vẫn đang cho tín hiệu giảm và chỉ số có thể kiểm định lại vùng 895-910 điểm.

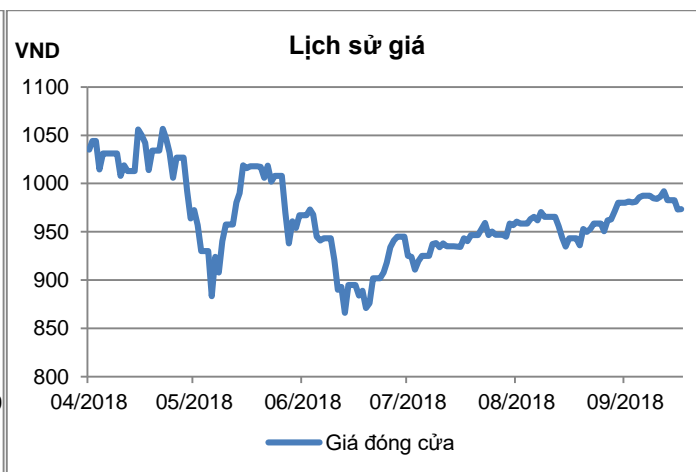
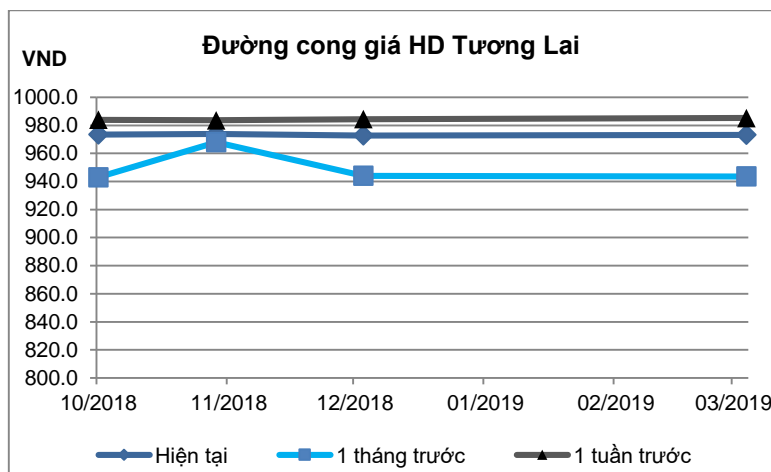
**Chiến lược đầu tư:** Với tín hiệu giảm điểm hôm nay, chúng tôi cho rằng đà giảm sẽ tiếp tục. Vì vậy, các vị thế short vẫn được ưu tiên hơn.

-Short VN30F1810 ở nhịp hồi phục trong phiên với điểm vào dự kiến quanh 918-919. Dừng lỗ tại 924 điểm. Mục tiêu 903 điểm.

-Long khi VN30F1810 phản ứng tốt quanh vùng 897-900 điểm. Mục tiêu 920 điểm. Dừng lỗ 895 điểm.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mở	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
<b>VN30 Index</b>	929	-14.9	-1.6%	78,654,890			
<b>VN30F1810</b>	919	-25.0	-2.6%	134,430	12,035	18/10/2018	5
<b>VN30F1811</b>	920	-22.7	-2.4%	1,438	584	15/11/2018	33
<b>VN30F1812</b>	923	-21.9	-2.3%	235	470	20/12/2018	68
<b>VN30F1903</b>	924	-20.1	-2.1%	95	195	21/03/2019	159



## DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600

MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

**Lịch sự kiện**

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
16/10/2018	PTT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
16/10/2018	SAB	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1.500 đ/cp)
16/10/2018	HLG	HSX	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
16/10/2018	DSS	Upcom	Tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2018
16/10/2018	MQN	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500đ./cp)
17/10/2018	DSP	Upcom	Giao dịch 118.684.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch
17/10/2018	S99	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 5%)
17/10/2018	CKA	Upcom	Giao dịch 3.286.404 cổ phiếu đăng ký giao dịch
17/10/2018	DNH	Upcom	Đại hội cổ đông bất thường
17/10/2018	TFC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)
17/10/2018	BTN	Upcom	Trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 50%)
17/10/2018	CTI	HSX	Thanh toán cổ tức đợt cuối năm 2017 (800 đ/cp)
17/10/2018	MPC	Upcom	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
17/10/2018	TSB	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
17/10/2018	DP3	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000đ/cp)
18/10/2018	TL4	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)
18/10/2018	PMP	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
18/10/2018	TCT	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2017 (300 đ/cp)
19/10/2018	VOC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.300đ/cp)
19/10/2018	RBC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
19/10/2018	SBV	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2018



## Liên hệ:

### Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

### Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

## Phòng khách hàng định chế

### Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định  
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

## Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.